Tạp chí Tâm lý học Việt Nam số 1 - Tháng 2 năm 2026

DOI: https://doi.org/10.66270/vap26.v14.n1.10

LEARNING MOTIVATION AMONG ETHNIC MINORITY UNIVERSITY STUDENTS FROM THE PERSPECTIVE OF ACTIVITY PSYCHOLOGY: A REVIEW

Do Thi Van
Ho Chi Minh City University of Culture
Vu Thi Khanh Linh
Hanoi National University of Education

Received December 31,2025
Accepted January 20,2026

Abstract: *In the context of higher education's orientation toward equity and sustainable development, research on the learning motivation of ethnic minority university students plays an important role in improving educational quality and policy effectiveness. This article systematically analyzed local and international studies on learning motivation of ethnic minority student from the perspective of activity psychology. Through a literature review, the article clarifies the concept, structure, and basic manifestations of learning motivation. The review also summarized the current status of learning motivation of ethnic minority students and its influencing factors. The review showed that learning motivation is a dynamic psychological structure shaped by the interwoven influences of individual, family, school, sociocultural, career-orientation, and labor-market factors.*

Keywords: *Learning motivation; Ethnic minority university students; Higher education.*

CÁC NGHIÊN CỨU VỀ ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TỪ GÓC ĐỘ TÂM LÝ HỌC HOẠT ĐỘNG - TỔNG HỢP VÀ PHÂN TÍCH

Đỗ Thị Vân
Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.
Vũ Thị Khánh Linh
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Ngày nhận bài: 31/12/2025
Ngày duyệt đăng bài: 20/1/2026

Tóm tắt : *Trong bối cảnh giáo dục đại học hướng tới bảo đảm công bằng và phát triển bền vững, việc nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số giữ vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả chính sách giáo dục. Bài viết tổng quan và phân tích có hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về động cơ học tập của nhóm sinh viên này trên cơ sở tiếp cận tâm lý học hoạt động. Thông qua nghiên cứu tài liệu, bài viết làm rõ khái niệm, cấu trúc và các biểu hiện cơ bản của động cơ học tập; đồng thời phân tích thực trạng và những yếu tố chi phối động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số. Kết quả tổng hợp cho thấy động cơ học tập là một cấu trúc tâm lý động, chịu sự tác động đan xen của các yếu tố cá nhân, gia đình, nhà trường, bối cảnh văn hóa - xã hội cũng như định hướng nghề nghiệp và thị trường lao động.*

Từ khoá: *Động cơ học tập; Sinh viên người dân tộc thiểu số; Giáo dục đại học.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học và bảo đảm cơ hội học tập cho các nhóm xã hội khác nhau, trong đó có sinh viên người dân tộc thiểu số, được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Sinh viên người dân tộc thiểu số khi tham gia học tập ở bậc đại học không chỉ phải đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao về tri thức và kỹ năng, mà còn chịu tác động của nhiều yếu tố đặc thù liên quan đến điều kiện kinh tế, văn hóa, ngôn ngữ và môi trường xã hội. Trong bối cảnh đó, động cơ học tập được xem là yếu tố tâm lý có vai trò quan trọng trong việc định hướng, duy trì và điều chỉnh hoạt động học tập của sinh viên, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả và kết quả học tập.

Trong tâm lý học giáo dục và tâm lý học hoạt động, động cơ học tập được tiếp cận như một hiện tượng tâm lý mang tính động, gắn liền với nhu cầu, mục tiêu và điều kiện thực hiện hoạt động của cá nhân, hình thành và phát triển trong quá trình người học tham gia hoạt động học tập có mục đích (Phạm Minh Hạc, 2002; Phan Trọng Ngọ, 2000; Nguyễn Quang Uẩn, 2015). Theo quan điểm này, động cơ học tập không tồn tại tách rời hoạt động học tập, mà là thành tố giữ vai trò định hướng, duy trì và thúc đẩy hoạt động học tập của người học trong những điều kiện giáo dục - xã hội cụ thể. Các nghiên cứu quốc tế cũng nhấn mạnh tính chất động và bối cảnh của động cơ học tập, coi đây là kết quả của sự tương tác giữa cá nhân và môi trường học tập, chịu ảnh hưởng của nhu cầu tự chủ, năng lực và sự gắn kết xã hội (Deci và Ryan, 1985; Ryan và Deci, 2000; Vallerand và cộng sự, 1992).

Đối với sinh viên người dân tộc thiểu số, động cơ học tập được hình thành và biểu hiện trong bối cảnh đặc thù, nơi các yếu tố cá nhân đan xen với những điều kiện văn hóa - xã hội và môi trường giáo dục cụ thể. Một số nghiên cứu trong nước đã tiếp cận sinh viên người dân tộc thiểu số từ các góc độ như sự thích ứng với hoạt động học tập, động cơ học tập trong những lĩnh vực cụ thể, qua đó bước đầu phản ánh vai trò của động cơ học tập đối với quá trình học tập của nhóm đối tượng này (Lưu Hớn Vũ, 2019; Mã Ngọc Thể, 2016; Phạm Văn Huệ, 2024). Ở bình diện quốc tế, một số công trình nghiên cứu cũng đề cập đến động cơ học tập của sinh viên thuộc các nhóm thiểu số, nhấn mạnh ảnh hưởng của bối cảnh văn hóa, cảm nhận về sự hỗ trợ xã hội và trải nghiệm học tập trong môi trường đại học (Isik và cộng sự, 2018; Isik và cộng sự, 2021).

Tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu cho thấy số lượng các công trình nghiên cứu trực tiếp, chuyên biệt về động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu

số còn hạn chế. Phần lớn các nghiên cứu hiện có tiếp cận động cơ học tập như một biến tâm lý trong các nghiên cứu về sinh viên nói chung, hoặc như một khía cạnh trong các nghiên cứu về sinh viên người dân tộc thiểu số, thay vì xem xét động cơ học tập như một phạm trù tâm lý được phân tích một cách nhất quán dưới góc độ Tâm lý học hoạt động. Điều này dẫn đến sự phân tán trong cách tiếp cận, nội dung và kết quả nghiên cứu, đồng thời đặt ra yêu cầu cần có những tổng quan mang tính hệ thống nhằm làm rõ các hướng tiếp cận, các kết quả nghiên cứu đã đạt được cũng như những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu.

Xuất phát từ thực trạng đó, bài viết này được thực hiện với mục đích tổng quan một cách có hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số từ góc độ Tâm lý học hoạt động.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu nhằm tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số trong giáo dục đại học. Việc lựa chọn phương pháp này nhằm bảo đảm cơ sở khoa học cho việc phân tích các quan niệm lý luận, các kết quả nghiên cứu thực nghiệm và các hướng tiếp cận chủ yếu đối với động cơ học tập, đặc biệt là từ góc độ tâm lý học hoạt động.

Nguồn tài liệu được thu thập bao gồm sách chuyên khảo, bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước, cũng như các luận án tiến sĩ thuộc lĩnh vực Tâm lý học và Tâm lý học giáo dục đã được công bố. Các tài liệu được lựa chọn tập trung vào ba nhóm vấn đề chính: động cơ học tập trong tâm lý học và tâm lý học giáo dục; động cơ học tập của sinh viên trong giáo dục đại học; các nghiên cứu về sinh viên người dân tộc thiểu số dưới các góc độ tâm lý, văn hóa và xã hội. Việc thu thập tài liệu được thực hiện thông qua thư viện của các cơ sở đào tạo, các cơ sở dữ liệu khoa học điện tử và các nguồn học thuật có độ tin cậy cao.

Quá trình xử lý tài liệu được tiến hành theo các bước cơ bản: đọc và sàng lọc tài liệu; phân loại tài liệu theo các nhóm chủ đề phù hợp với mục tiêu tổng quan; loại bỏ các tài liệu trùng lặp hoặc thiếu độ tin cậy; phân tích và so sánh các quan điểm, kết quả nghiên cứu nhằm nhận diện những luận điểm cốt lõi, các xu hướng tiếp cận chủ đạo và những hạn chế còn tồn tại trong các công trình đã công bố. Trong quá trình này, bài viết kết hợp các thao tác phân tích và tổng hợp để làm rõ sự hình thành, phát triển của các quan điểm nghiên cứu về động cơ học tập, đặc biệt là sự khác biệt giữa các cách tiếp cận lý luận và thực nghiệm.

Bên cạnh đó, phương pháp so sánh được sử dụng nhằm đối chiếu các kết quả nghiên cứu trong nước và ngoài nước, qua đó làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt trong việc tiếp cận, đánh giá động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số. Trên cơ sở các thao tác phân tích, tổng hợp và so sánh, các kết quả nghiên cứu được khái quát hóa, trừu tượng hóa thành những nhận định mang tính hệ thống, phục vụ mục tiêu tổng quan và phân tích của bài viết.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Các nghiên cứu lý luận về động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số

3.1.1. Các nghiên cứu về khái niệm động cơ học tập

Trong tâm lý học giáo dục, động cơ học tập được xem là yếu tố trung tâm quyết định mức độ chủ động, tích cực và hiệu quả của hoạt động học tập. Các nghiên cứu đều thống nhất rằng động cơ học tập không chỉ trả lời câu hỏi "học để làm gì" mà còn phản ánh mối quan hệ giữa nhu cầu, mục đích và ý thức của người học đối với hoạt động học tập.

Theo Phan Trọng Ngọ (2016), động cơ học tập của người học được hình thành từ nhu cầu và mục đích cá nhân, thể hiện ở điều mà người học mong muốn đạt được thông qua quá trình học tập. Khi người học ý thức rõ lý do, ý nghĩa và mục tiêu của việc học, điều đó chính là biểu hiện cụ thể của động cơ học tập. Cách tiếp cận này nhấn mạnh bản chất tự ý thức và vai trò định hướng mục tiêu của người học trong hoạt động nhận thức, đồng thời coi động cơ học tập là yếu tố bên trong chi phối toàn bộ quá trình tham gia hoạt động học.

Ở góc độ tâm lý học hoạt động, Phạm Minh Hạc (2002) cho rằng động cơ học tập giữ vai trò quyết định đối với kết quả và hiệu quả của quá trình giáo dục. Theo tác giả, mục đích học tập phản ánh rõ tính chủ thể của người học và định hướng xã hội của hoạt động học. Việc học nhằm đạt điểm kiểm tra, học để nhận thức tri thức hay học để hoàn thiện nhân cách thể hiện những cấp độ khác nhau của động cơ học tập. Như vậy, động cơ học tập không chỉ chi phối thái độ, ý chí và hành động học tập của sinh viên mà còn gắn liền với sự phát triển nhân cách và hệ giá trị cá nhân.

Các nghiên cứu gần đây tiếp tục khẳng định vai trò cốt lõi của động cơ học tập như một nguồn lực tâm lý bên trong thúc đẩy và duy trì hoạt động học tập. Theo Hồ Thị Trúc Quỳnh và cộng sự (2023), động cơ học tập là yếu tố then chốt quyết định mức độ tham gia, sự kiên trì và khả năng tự điều chỉnh hoạt động học tập của sinh viên. Khi động cơ học tập mạnh mẽ và ổn định, sinh viên có xu hướng phát huy tối đa năng lực nhận thức, chủ động vượt qua khó khăn và duy trì nỗ lực học tập trong thời gian dài.

Nguyễn Đức Sơn và cộng sự (2025) tiếp cận động cơ học tập như một cấu trúc tâm lý mang tính tổng hợp, được ví như một "hợp kim" giữa sự thúc đẩy của nhu cầu học tập với sự hấp dẫn, lôi cuốn của đối tượng học mà người học cần chiếm lĩnh để thỏa mãn nhu cầu đó. Cách tiếp cận này làm rõ tính động, tính quá trình và mối quan hệ biện chứng giữa chủ thể học tập và đối tượng học tập trong sự hình thành động cơ học tập.

Theo Bomia và cộng sự (1997), động cơ học tập là sự khao khát, mong muốn, hứng thú và tinh thần trách nhiệm của người học đối với hoạt động học tập. O'Rorke và Ortony (1994) bổ sung rằng động cơ học tập gắn liền với cảm xúc, nhận thức và hành vi, không thể tách rời khỏi quá trình học tập. Theo các tác giả, chính cảm xúc tích cực và sự hứng thú học tập là nền tảng nuôi dưỡng sự bền bỉ, duy trì nỗ lực và giúp người học vượt qua những thách thức trong học tập.

Tóm lại, từ góc độ tâm lý học hoạt động, có thể khẳng định rằng động cơ học tập là một hiện tượng tâm lý mang tính động và tính quá trình, nảy sinh và phát triển trong mối quan hệ biện chứng giữa nhu cầu của chủ thể học tập với đối tượng học tập và mục đích học tập mà người học hướng tới.

3.1.2. Các nghiên cứu về biểu hiện của động cơ học tập

a. Các nghiên cứu về biểu hiện của động cơ học tập qua hành vi và mức độ tham gia hoạt động học tập

Trong tâm lý học giáo dục, hành vi học tập và mức độ tham gia vào các hoạt động học tập được xem là những chỉ báo trực tiếp, cụ thể và dễ quan sát nhất của động cơ học tập. Động cơ học tập không chỉ tồn tại ở bình diện nhận thức, niềm tin hay thái độ, mà được hiện thực hóa thông qua cách thức người học tham gia, duy trì và đầu tư cho các hoạt động học tập cụ thể. Khi động cơ học tập mang tính tích cực và ổn định, người học thường thể hiện sự chủ động trong việc tiếp cận nội dung học tập, tham gia đều đặn các hoạt động trên lớp và ngoài lớp, đồng thời sẵn sàng dành thời gian, công sức và sự chú ý cần thiết để hoàn thành các nhiệm vụ học tập được giao (Nguyễn Thanh Dân và Đoàn Văn Điều, 2013).

Một trong những biểu hiện quan trọng và có tính ổn định cao của động cơ học tập là khả năng duy trì nỗ lực và theo đuổi mục tiêu học tập trong thời gian dài. Trong bối cảnh giáo dục đại học, nơi hoạt động học tập diễn ra trong thời gian dài, với cường độ cao và chịu tác động của nhiều áp lực học tập, xã hội và cá nhân, sự kiên trì trở thành yếu tố then chốt phản ánh chiều sâu của động cơ học tập. Nhiều nghiên cứu cho thấy sinh viên có động cơ học tập mạnh thường duy trì được nỗ lực học tập bền vững theo thời gian, thể hiện ở việc không dễ từ bỏ mục tiêu học tập, sẵn sàng đối mặt với khó khăn, thất bại và áp lực học tập để

tiếp tục theo đuổi nhiệm vụ đã lựa chọn (Elliot và Harackiewicz, 1996; Gnambs và Hanfstingl, 2015).

Dưới góc độ tâm lý học hoạt động, động cơ học tập không tồn tại một cách tách rời, mà được hình thành, kiểm nghiệm và điều chỉnh thông qua quá trình người học tham gia vào các hành động học tập cụ thể. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập, người học liên tục đối mặt với yêu cầu nhiệm vụ, khó khăn phát sinh và kết quả đạt được; chính những trải nghiệm này góp phần củng cố hoặc làm suy giảm động cơ học tập. Mức độ ổn định của nỗ lực học tập phản ánh mức độ gắn kết giữa động cơ và mục tiêu của hoạt động học tập. Khi mục tiêu học tập mang ý nghĩa cá nhân rõ ràng, phù hợp với nhu cầu và định hướng phát triển của người học, động cơ học tập có xu hướng được duy trì ổn định, từ đó thúc đẩy sự nỗ lực liên tục và khả năng kiên trì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Ngược lại, nếu động cơ học tập mang tính nhất thời hoặc chủ yếu dựa trên các yếu tố bên ngoài, sự cố gắng trong học tập thường kém ổn định và dễ suy giảm khi người học gặp trở ngại hoặc thiếu sự hỗ trợ phù hợp (Phan Trọng Ngọ, 2000; Nguyễn Quang Uẩn, 2015; Phạm Minh Hạc, 2002).

Các nghiên cứu quốc tế về mục tiêu thành tích tiếp tục làm rõ vai trò của định hướng mục tiêu đối với mức độ nỗ lực trong học tập. Kết quả cho thấy sinh viên định hướng theo mục tiêu làm chủ tri thức thường thể hiện mức độ nỗ lực cao hơn và có xu hướng gắn bó lâu dài với hoạt động học tập so với sinh viên chủ yếu theo đuổi mục tiêu thành tích bề ngoài hoặc né tránh thất bại (Elliot và Harackiewicz, 1996; Elliot và McGregor, 1999). Điều này cho thấy sự bền bỉ trong học tập không chỉ phụ thuộc vào cường độ động cơ, mà còn phụ thuộc vào cấu trúc và định hướng của động cơ học tập mà sinh viên theo đuổi.

Đối với sinh viên người dân tộc thiểu số, hành vi học tập, mức độ tham gia hoạt động học tập chịu ảnh hưởng rõ nét từ bối cảnh văn hóa - xã hội và điều kiện sống đặc thù của nhóm đối tượng này. Nhiều nghiên cứu cho thấy sinh viên người dân tộc thiểu số thường phải đối mặt với những khó khăn đa chiều trong học tập, như hạn chế về điều kiện kinh tế, sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa, cũng như áp lực thích ứng với môi trường học tập đại học (Mã Ngọc Thể, 2016). Trong bối cảnh đó, sự bền bỉ trong học tập không chỉ phản ánh động cơ học tập cá nhân, mà còn thể hiện khả năng vượt khó và ý chí duy trì con đường học vấn trước những thách thức mang tính kéo dài.

Bên cạnh đó, việc học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số còn gắn với những ý nghĩa xã hội rộng hơn của việc học. Việc theo đuổi học tập một cách kiên định thường liên quan đến kỳ vọng của gia đình, trách nhiệm đối với cộng đồng dân tộc và mong muốn cải thiện vị thế xã hội thông qua học vấn. Những

yếu tố này góp phần hình thành nguồn động cơ học tập mang tính lâu dài, giúp sinh viên duy trì nỗ lực học tập ngay cả trong những giai đoạn kết quả học tập chưa đạt được như mong muốn hoặc khi phải đối mặt với nhiều khó khăn trong quá trình học tập (Phạm Văn Huệ, 2024; Isik và cộng sự, 2018; Lưu Hớn Vũ, 2019).

Như vậy, việc phân tích hành vi học tập, mức độ tham gia hoạt động học tập và sự bền bỉ trong quá trình học tập cho phép nhận diện tương đối đầy đủ trạng thái và mức độ phát triển của động cơ học tập ở sinh viên người dân tộc thiểu số. Cách tiếp cận này không chỉ giúp làm rõ biểu hiện bên ngoài của động cơ học tập, mà còn tạo cơ sở quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp tâm lý - giáo dục nhằm củng cố động cơ học tập và nâng cao hiệu quả học tập cho nhóm đối tượng này trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

b. Các nghiên cứu về biểu hiện của động cơ học tập qua mức độ gắn bó với nhiệm vụ học tập

Mức độ gắn bó với nhiệm vụ học tập phản ánh trạng thái cam kết tâm lý tương đối bền vững của người học đối với hoạt động học tập, thể hiện ở sự duy trì sự quan tâm, trách nhiệm và nỗ lực hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong suốt quá trình học. Trong tâm lý học giáo dục, sự gắn bó với nhiệm vụ học tập được xem là biểu hiện quan trọng của động cơ học tập, bởi nó cho thấy mức độ mà người học sẵn sàng đầu tư nguồn lực tâm lý và hành động để theo đuổi mục tiêu học tập đã xác lập. Các nghiên cứu cho thấy sinh viên có động cơ học tập cao thường duy trì mức độ gắn bó ổn định với nhiệm vụ học tập, thể hiện ở việc kiên trì thực hiện nhiệm vụ, ít bỏ cuộc khi gặp khó khăn và có xu hướng hoàn thành nhiệm vụ một cách nghiêm túc, có trách nhiệm (Wentzel và cộng sự, 2010).

Dưới góc độ tâm lý học hoạt động, sự gắn bó với nhiệm vụ học tập không chỉ phản ánh mức độ mạnh hay yếu của động cơ học tập, mà còn cho thấy tính định hướng và tính bền vững của động cơ trong quá trình thực hiện hoạt động. Khi động cơ học tập mang ý nghĩa cá nhân rõ ràng, người học có xu hướng gắn bó lâu dài với nhiệm vụ, chấp nhận nỗ lực kéo dài và sẵn sàng điều chỉnh cách thức học tập để đạt được kết quả mong muốn. Ngược lại, khi động cơ học tập mang tính đối phó hoặc chịu áp lực bên ngoài, sự gắn bó với nhiệm vụ thường mang tính ngắn hạn và dễ suy giảm trước những khó khăn trong học tập (Nguyễn Quang Uẩn, 2015; Phạm Minh Hạc, 2002).

Trong bối cảnh giáo dục đại học, mức độ gắn bó với nhiệm vụ học tập còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ môi trường học tập và các mối quan hệ xã hội trong nhà trường. Nhiều nghiên cứu quốc tế chỉ ra rằng cảm nhận về sự hỗ trợ từ giảng

viên, sự tôn trọng và chấp nhận từ bạn học, cũng như cảm giác thuộc về môi trường học tập có vai trò quan trọng trong việc duy trì động cơ học tập và tăng cường sự gắn bó của sinh viên với các nhiệm vụ học tập mang tính thách thức (Goodenow, 1993; Wentzel và cộng sự, 2010). Những yếu tố này góp phần tạo điều kiện để động cơ học tập được nuôi dưỡng và chuyển hóa thành sự cam kết bền vững đối với hoạt động học tập.

Đối với sinh viên người dân tộc thiểu số, mức độ gắn bó với nhiệm vụ học tập thường gắn liền với cách sinh viên cảm nhận về vị trí và vai trò của mình trong môi trường học tập đại học. Các nghiên cứu cho thấy khi sinh viên người dân tộc thiểu số nhận được sự hỗ trợ phù hợp, cảm thấy được tôn trọng bản sắc văn hóa và được thừa nhận năng lực học tập, họ có xu hướng duy trì mức độ gắn bó cao hơn với nhiệm vụ học tập, thể hiện qua sự kiên trì, trách nhiệm và nỗ lực vượt qua khó khăn trong học tập (Isik và cộng sự, 2021; Phạm Văn Huệ, 2024). Ngược lại, cảm giác bị cô lập, thiếu hỗ trợ hoặc không phù hợp với môi trường học tập có thể làm suy giảm sự gắn bó với nhiệm vụ học tập, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến động cơ và kết quả học tập.

3.2. Các nghiên cứu về thực trạng động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số

Các nghiên cứu về thực trạng động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số nhìn chung còn hạn chế về số lượng, nhưng đã cung cấp những bằng chứng thực nghiệm quan trọng, góp phần làm rõ đặc điểm, mức độ và cấu trúc động cơ học tập của nhóm đối tượng này trong bối cảnh giáo dục đại học. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng sinh viên người dân tộc thiểu số vận dụng động cơ học tập đa dạng, bao gồm cả động cơ bên trong (intrinsic motivation) và động cơ bên ngoài (extrinsic motivation). Động cơ bên ngoài, như áp lực từ gia đình, kỳ vọng của xã hội và yêu cầu học tập của trường lớp, vẫn giữ vai trò đáng kể, phản ánh tác động của môi trường học tập, các yếu tố xã hội - văn hóa, cũng như vai trò của hệ thống giáo dục trong việc định hình thái độ học tập. Trong khi đó, động cơ bên trong, bao gồm sự hứng thú, tính tò mò, mong muốn thành công cá nhân và niềm tin vào khả năng của bản thân, đóng vai trò nền tảng trong việc duy trì sự nỗ lực và kiên trì trong học tập, đặc biệt khi sinh viên gặp khó khăn hoặc phải thích ứng với môi trường đại học mới.

Nghiên cứu của Lưu Hớn Vũ (2019) về chiến lược học tập tiếng Hoa của 67 sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng công cụ SILL (Oxford, 1990) và phân tích bằng SPSS cho thấy tổng thể tần suất sử dụng chiến lược học tập đạt mức tương đối cao (ĐTB = 3,66; ĐLC = 0,49). Trong đó, nhóm chiến lược nhận thức (ĐTB = 3,87; ĐLC = 0,57), nhóm chiến lược siêu nhận thức

(ĐTB = 3,94; ĐLC = 0,70) và nhóm chiến lược xã hội (ĐTB = 3,98; ĐLC = 0,73) được sinh viên sử dụng thường xuyên, ở mức cao, cho thấy sinh viên ưu tiên các chiến lược giúp nâng cao khả năng nhận thức, giám sát học tập và tương tác xã hội. Ngược lại, nhóm chiến lược ghi nhớ, bù đắp và xúc cảm (ĐTB = 3,24; ĐLC = 0,81) chỉ được sử dụng ở mức trung bình, cho thấy sinh viên ít dựa vào các chiến lược thuần túy ghi nhớ hoặc điều chỉnh cảm xúc trong học tập. Phân tích mối quan hệ giữa các nhân tố cá thể và việc sử dụng chiến lược học tập cho thấy giới tính và tuổi tác không ảnh hưởng đáng kể ($p > 0,05$). Ngược lại, tần suất sử dụng nhóm chiến lược nhận thức có mối tương quan tích cực với thành tích học tập ($r = 0,338$; $p = 0,005$), nhấn mạnh vai trò then chốt của động cơ bên trong khi kết hợp với các chiến lược nhận thức trong việc nâng cao hiệu quả học tập.

Trong nghiên cứu khác, Mã Ngọc Thể (2016) khảo sát 630 sinh viên người dân tộc thiểu số từ năm thứ nhất đến năm thứ ba tại Trường Đại học Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang, tập trung tìm hiểu mức độ thích ứng với hoạt động học tập xét theo năm học và cơ sở nhận thức. Kết quả cho thấy sinh viên năm thứ nhất có mức độ thích ứng trung bình về nhận thức (ĐTB = 2,92; ĐLC = 0,58). Sinh viên năm thứ hai có mức thích ứng cao hơn nhưng vẫn ở mức trung bình (ĐTB = 3,01; ĐLC = 0,57). Sinh viên năm thứ ba đạt mức khá thích ứng (ĐTB = 3,46; ĐLC = 0,70), trong đó phần lớn sinh viên thể hiện khả năng tự điều chỉnh, tự học và phát triển chiến lược học tập cá nhân. Kết quả này phản ánh sự tiến triển rõ rệt của động cơ học tập và năng lực thích ứng nhận thức theo năm học, cho thấy sinh viên dần hình thành khả năng tự định hướng học tập, khai thác động cơ bên trong và vận dụng các chiến lược học tập một cách hiệu quả hơn khi trải qua môi trường đại học.

Tổng hợp các nghiên cứu hiện nay cho thấy sinh viên người dân tộc thiểu số thường vận dụng các chiến lược nhận thức, siêu nhận thức và xã hội nhiều hơn, trong khi các chiến lược ghi nhớ, bù đắp và xúc cảm ít được sử dụng. Mức độ thích ứng nhận thức tăng theo năm học, chứng tỏ sinh viên dần hình thành năng lực tự điều chỉnh, phát triển động cơ học tập nội tại và nâng cao hiệu quả học tập.

3.3. Các nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số

Động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số được hình thành và phát triển trong một mạng lưới các yếu tố đa chiều, liên quan đến cả cá nhân, gia đình, nhà trường và bối cảnh xã hội. Các nghiên cứu trong và ngoài nước thống nhất rằng động cơ học tập là kết quả của sự tác động tổng hợp, trong đó các yếu tố tương tác lẫn nhau và thay đổi theo thời gian học tập, gắn chặt với trải nghiệm

cá nhân và điều kiện xã hội cụ thể mà sinh viên tham gia. Dưới góc nhìn của tâm lý học hoạt động, các yếu tố này không tồn tại riêng lẻ mà tương tác liên tục, cùng tham gia vào quá trình hình thành, duy trì và biến đổi động cơ học tập xuyên suốt quá trình đại học. Một số nghiên cứu tiếp cận khái niệm "động lực học tập", nhưng về bản chất, các yếu tố cá nhân được phân tích như nhu cầu, niềm tin, mục tiêu và định hướng giá trị đều là những thành tố cấu thành động cơ học tập theo tiếp cận tâm lý học hoạt động. Do đó, kết quả nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng trong việc lý giải vai trò của các yếu tố bên trong cá nhân đối với sự hình thành và duy trì động cơ học tập.

Yếu tố thuộc về cá nhân sinh viên. Yếu tố cá nhân được coi là nền tảng trực tiếp quyết định động cơ học tập, bao gồm nhu cầu học tập, mục tiêu học tập, hứng thú nhận thức, niềm tin vào năng lực bản thân và kinh nghiệm học tập tích lũy. Nguyễn Quang Uẩn (2015) chỉ ra rằng sinh viên có mục tiêu học tập rõ ràng, niềm tin tích cực vào khả năng của bản thân và hứng thú đối với nội dung học tập thường hình thành động cơ ổn định và duy trì nỗ lực học tập bền bỉ.

Nghiên cứu của Nguyễn Văn Bắc (2011) tiến hành khảo sát 900 sinh viên Đại học Huế nhằm đánh giá các yếu tố tác động đến động cơ nghiên cứu khoa học của sinh viên. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong nhóm yếu tố tâm lý cá nhân, ý thức học tập của sinh viên là yếu tố có tác động mạnh nhất, có ĐTB = 4,18 điểm, tiếp theo là nhu cầu học tập, nghiên cứu và khám phá, với mức tác động 3,95 điểm, phản ánh vai trò quan trọng của các yếu tố nội tại trong việc hình thành và duy trì động cơ nghiên cứu khoa học. Đối với nhóm yếu tố tâm lý xã hội, yêu cầu học tập và đào tạo được xác định là yếu tố có tác động mạnh mẽ nhất tới động cơ nghiên cứu khoa học, với ĐTB = 4,14 điểm. Bên cạnh đó, bầu không khí thi đua trong nghiên cứu khoa học cũng có ảnh hưởng tích cực, với ĐTB = 3,70 điểm, cho thấy môi trường cạnh tranh lành mạnh có vai trò thúc đẩy sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, yếu tố động viên, khuyến khích từ khoa, trường và giảng viên cũng góp phần nâng cao động cơ nghiên cứu khoa học, minh chứng cho tác động tích cực của hỗ trợ xã hội trong quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên. Nhìn chung, nghiên cứu này nhấn mạnh rằng cả yếu tố cá nhân lẫn xã hội đều có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy động cơ nghiên cứu khoa học của sinh viên. Sự kết hợp giữa ý thức và nhu cầu học tập cá nhân với yêu cầu đào tạo, bầu không khí thi đua và sự động viên từ giảng viên, nhà trường tạo thành mạng lưới tác động tổng hợp, góp phần hình thành và duy trì động lực nghiên cứu khoa học trong môi trường đại học, từ đó phát triển động cơ học tập của sinh viên.

Phạm Văn Huệ (2024) đi sâu phân tích các yếu tố cá nhân của sinh viên người dân tộc thiểu số và phát hiện rằng chúng đóng vai trò quyết định trong việc hình thành và duy trì động lực học tập bên trong. Phân tích hồi quy đa biến cho thấy mô hình có ý nghĩa thống kê với $F(5, 511) = 68,511$; $p < 0,01$. Hệ số xác định bội điều chỉnh bằng 0,396, nghĩa là 39,6% sự biến thiên của động lực học tập bên trong được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình, trong khi 60,4% biến thiên còn lại liên quan đến các yếu tố khác chưa được đưa vào phân tích. Những con số này nhấn mạnh vai trò quan trọng của yếu tố cá nhân trong việc thúc đẩy nỗ lực học tập tự thân, đặc biệt đối với sinh viên người dân tộc thiểu số, vốn thường gặp nhiều thách thức về hòa nhập và môi trường học tập.

Yếu tố thuộc về gia đình. Gia đình là môi trường đầu tiên và cơ bản hình thành nền tảng động cơ học tập. Grolnick và Ryan (1989) chỉ ra rằng trẻ em được cha mẹ hỗ trợ tự chủ thể hiện khả năng tự điều chỉnh cao hơn trong các nhiệm vụ học tập và năng lực học tập tốt hơn so với trẻ có cha mẹ kiểm soát. Cụ thể, mối tương quan giữa phong cách hỗ trợ tự chủ của cha mẹ và tự điều chỉnh là $r = 0,34$ ($p < 0,01$); mối tương quan giữa phong cách hỗ trợ tự chủ và năng lực học tập đo bằng đánh giá của giáo viên là $r = 0,29$ ($p < 0,05$). Ngược lại, phong cách kiểm soát của cha mẹ có liên hệ âm với tự điều chỉnh ($r = -0,27$; $p < 0,05$) và năng lực học tập ($r = -0,22$; $p < 0,05$). Những kết quả này cho thấy môi trường gia đình khuyến khích tự chủ góp phần nâng cao động cơ học tập tự thân, đặc biệt quan trọng đối với sinh viên người dân tộc thiểu số.

Skinner, Johnson và Snyder (2005) mở rộng nghiên cứu bằng mô hình phong cách nuôi dạy cha mẹ, xác định sáu đặc trưng: ấm áp, bác bỏ, cấu trúc, hỗn loạn, hỗ trợ tự chủ và cưỡng chế. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu tự báo cáo từ 1.212 phụ huynh và 3.752 trẻ vị thành niên. Kết quả phân tích cho thấy mỗi đặc trưng có thể ảnh hưởng độc lập đến sự phát triển của trẻ. Mẫu phụ huynh cho thấy đặc trưng "cấu trúc" có ĐTB = 3,62 ở mẹ và 3,55 ở cha; "hỗ trợ tự chủ" có ĐTB = 3,59 ở mẹ và 3,36 ở cha. Các đặc trưng tiêu cực như "bác bỏ", "hỗn loạn" và "cưỡng chế" có giá trị trung bình thấp hơn. Phân tích mối tương quan chỉ ra rằng các đặc trưng tích cực như ấm áp và cấu trúc gắn với sự tham gia lớp học và cảm nhận về năng lực học tập của trẻ, trong khi các đặc trưng tiêu cực có tác động ngược lại.

Yếu tố thuộc về nhà trường. Môi trường học tập và sự hỗ trợ xã hội trong nhà trường có ảnh hưởng quyết định đến động cơ học tập bên ngoài của sinh viên người dân tộc thiểu số. Phạm Văn Huệ (2024) chỉ ra rằng môi trường học tập là yếu tố tác động mạnh nhất với hệ số hồi quy = 0,619; sai số chuẩn = 0,060; $t(511) = 10.307$; $p < 0,01$. Sự cải thiện một đơn vị môi trường học tập sẽ tăng

động lực học tập bên ngoài lên 0,619 đơn vị. Sự hỗ trợ xã hội cũng tác động tích cực, tăng 0,173 đơn vị khi mức hỗ trợ tăng một đơn vị. Ngoài ra, phân biệt đối xử có mối quan hệ dương với động lực học tập bên ngoài (hệ số hồi quy = 0,083). Năng lực số ảnh hưởng đến động lực học tập bên trong: khi năng lực số tăng một đơn vị, động lực học tập bên trong tăng 0,212 đơn vị. Yếu tố hòa hợp văn hóa không có tác động đáng kể ($t(511) = -0,538$; $p > 0,05$), cho thấy ảnh hưởng của yếu tố này có thể trung gian thông qua môi trường học tập và hỗ trợ trong nhà trường.

Jang, Reeve và Deci (2010) nghiên cứu phong cách giảng dạy, phát hiện rằng hỗ trợ tự chủ và cấu trúc của giáo viên đều dự báo sự tham gia học tập qua hành vi, nhưng chỉ hỗ trợ tự chủ dự báo độc lập ý nghĩa mức độ tham gia học tập do học sinh tự báo cáo. Kiefer, Alley và Ellerbrock (2015) chứng minh rằng cả giáo viên và bạn bè đều tác động tích cực đến động lực học tập, tham gia lớp học và cảm giác thuộc về nhà trường. Dữ liệu định lượng khảo sát 209 học sinh trung học cơ sở, 61% nữ và định tính phỏng vấn 18 học sinh, 5 giáo viên và 1 cán bộ quản lý cho thấy sự hỗ trợ này vừa mang tính học tập, vừa mang ý nghĩa xã hội, tạo môi trường học tập an toàn và khích lệ.

Goodenow (1993) xây dựng thang đo trên 301 học sinh trung học cơ sở và phổ thông tại Mỹ, độ tin cậy Cronbach's alpha từ 0,78 - 0,82, phát hiện cảm nhận thuộc về nhà trường có mối quan hệ thuận với động cơ học tập bên trong và tham gia học tập (r từ 0,30 - 0,45; $p < 0,01$). Học sinh cảm nhận thuộc về cao có thái độ tích cực hơn, tự tin hơn và ít bỏ học hoặc vi phạm kỷ luật. Isik và cộng sự (2021) khảo sát 26 sinh viên y khoa dân tộc thiểu số, phát hiện các trải nghiệm trong môi trường học tập và kỳ vọng gia đình tác động trực tiếp đến động lực học tập, phản ánh áp lực tự thúc đẩy.

Yếu tố thuộc về định hướng nghề nghiệp và thị trường lao động. Định hướng nghề nghiệp và nhận thức về thị trường lao động là những yếu tố quan trọng định hình động cơ học tập của sinh viên. Khi sinh viên nhận thức rõ mối quan hệ giữa quá trình học tập hiện tại và cơ hội nghề nghiệp trong tương lai, động cơ học tập của họ trở nên cụ thể, rõ ràng và mang tính định hướng cao hơn, từ đó thúc đẩy nỗ lực học tập có mục tiêu (Elliot và Harackiewicz, 1996). Nhận thức này không chỉ giúp sinh viên xác định được lộ trình học tập phù hợp, mà còn tăng khả năng tự quản lý học tập và phát triển các kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai. Nghiên cứu của Hyytinen và cộng sự (2022) khảo sát 881 sinh viên khóa đầu tiên về động cơ tham gia học đại học, trong đó động cơ "careerism materialism" phản ánh định hướng nghề nghiệp và lợi ích kinh tế tương lai ĐTB = 3,46; ĐLC = 0,83 (thang đo 1 - 5). Kết quả phân

tích cho thấy động cơ này có tương quan dương với điểm trung bình học tập và mức độ tham gia học tập, đồng thời liên hệ với các chỉ số về burnout học tập. Điều này cho thấy những sinh viên có định hướng nghề nghiệp rõ ràng thường tham gia học tập có mục tiêu hơn, biết cân bằng áp lực học tập và quan tâm đến kết quả học tập thực tế. Những số liệu này nhấn mạnh rằng việc hình thành nhận thức về nghề nghiệp và thị trường lao động đóng vai trò tích cực trong việc nâng cao động cơ học tập. Đối với sinh viên người dân tộc thiểu số, yếu tố này đặc biệt quan trọng, giúp họ gắn kết việc học với kế hoạch phát triển cá nhân và nghề nghiệp, từ đó tăng khả năng thích ứng, duy trì nỗ lực học tập bền bỉ và hướng đến thành công trong môi trường giáo dục đại học cũng như trong thị trường lao động tương lai.

Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số là kết quả tương tác phức tạp giữa nhiều nhóm yếu tố: cá nhân, gia đình, nhà trường, bối cảnh văn hóa - xã hội và định hướng nghề nghiệp.

4. Kết luận

Tổng quan các công trình nghiên cứu cho thấy động cơ học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số là một yếu tố giữ vai trò trung tâm trong việc định hướng và chi phối hoạt động học tập ở bậc đại học, được hình thành trong mối liên hệ giữa nhu cầu cá nhân, mục tiêu học tập và các điều kiện xã hội cụ thể. Các nghiên cứu đã làm rõ những biểu hiện cơ bản của động cơ học tập thông qua hành vi học tập, mức độ gắn bó với nhiệm vụ, sự bền bỉ và khả năng tự điều chỉnh, đồng thời chỉ ra sự tác động tổng hợp của các yếu tố cá nhân, gia đình, nhà trường, bối cảnh văn hóa xã hội, định hướng nghề nghiệp và thị trường lao động. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu, đặc biệt trong nước, còn thiếu sự thống nhất về khung tiếp cận lý luận. Việc hệ thống hóa các kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ cơ sở khoa học cho các nghiên cứu tiếp theo và cho việc đề xuất các giải pháp giáo dục phù hợp đối với sinh viên người dân tộc thiểu số trong giáo dục đại học.

Tài liệu tham khảo

Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Nguyễn Văn Bắc (2011). Động cơ nghiên cứu khoa học của sinh viên Đại học Huế. Luận án tiến sĩ Tâm lý học. Học viện Khoa học xã hội.

3. Phạm Minh Hạc (2002). *Tuyển tập Tâm lý học*. Nhà xuất bản Giáo dục.

4. Phạm Văn Huệ (2024). Động lực học tập của sinh viên người dân tộc thiểu số. *Luận án tiến sĩ*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Nguyễn Thanh Dân và Đoàn Văn Điều (2013). Động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 48*, tr. 178-184.
6. Phan Trọng Ngọ (Chủ biên, 2000). *Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Phan Trọng Ngọ (Chủ biên, 2016). *Giáo trình các lý thuyết phát triển tâm lý người*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
8. Hồ Thị Trúc Quỳnh, Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Thị Ngọc Bé, Nguyễn Thị Hà, Phạm Thị Thúy Hằng và Nguyễn Bá Phu (2023). Động cơ học tập của sinh viên Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn, số 132*(6D), tr. 61-72.
9. Huỳnh Văn Sơn và Lê Thị Hân (Chủ biên, 2024). *Giáo trình Tâm lý học đại cương*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Đức Sơn, Lê Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Huệ, Đỗ Thị Hạnh Phúc, Trần Quốc Thành và Trần Thị Lệ Thu (2017). *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
11. Mã Ngọc Thể (2016). Thích ứng của sinh viên dân tộc thiểu số với hoạt động học tập. *Luận án tiến sĩ Tâm lý học*. Học viện Khoa học xã hội.
12. Nguyễn Quang Uẩn (2015). Vài nét tổng quan về nghiên cứu động cơ học tập của người học trong tâm lý học. Trong *Động cơ học tập của người học và trách nhiệm của người dạy* (tr. 20-29). Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Lưu Hớn Vũ (2019). Động cơ học tập tiếng Hoa của sinh viên dân tộc Hoa tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 15*(11), tr. 123-132.

Tài liệu tiếng Anh

14. Bomia, L., Beluzo, L., Demeester, D., Elander, K., Johnson, M., & Sheldon, B. (1997). *The impact of teaching strategies on intrinsic motivation*. Champaign, IL: ERIC Clearinghouse on Elementary and Early Childhood Education. https://files.eric.ed.gov/fulltext/ED418925.pdf.
15. Deci, E. L., & Ryan, R. M. (1985). *Intrinsic motivation and self-determination in human behavior*. Springer. https://doi.org/10.1007/978-1-4899-2271-7.
16. Elliot, A. J., & Harackiewicz, J. M. (1996). Approach and avoidance achievement goals and intrinsic motivation: A mediational analysis. *Journal of Personality and Social Psychology, 70*(3), 461-475. https://doi.org/10.1037/0022-3514.70.3.461.

17. Elliot, A. J., & McGregor, H. A. (1999). Test anxiety and the hierarchical model of approach and avoidance achievement motivation. *Journal of Personality and Social Psychology, 76*(4), 628-644. https://doi.org/10.1037/0022-3514.76.4.628.
18. Gnambs, T., & Hanfstingl, B. (2015). The decline of academic motivation during adolescence: An accelerated longitudinal cohort analysis on the effect of psychological need satisfaction. *Educational Psychology, 36*(9), 1698-1712. https://doi.org/10.1080/01443410.2015.1113236.
19. Goodenow, C. (1993). The psychological sense of school membership among adolescents: Scale development and educational correlates. *Psychology in the Schools, 30*(1), 79-90. https://doi.org/10.1002/1520-6807(199301)30:1<79:AID-PITS2310300113>3.0.CO;2-X.
20. Grolnick, W. S., & Ryan, R. M. (1989). Parent styles associated with children's self-regulation and competence in school. *Journal of Educational Psychology, 81*(2), 143-154. https://doi.org/10.1037/0022-0663.81.2.143.
21. Hazrati-Viari, A., Rad, A. T., & Torabi, S. S. (2012). The effect of personality traits on academic performance: The mediating role of academic motivation. *Procedia - Social and Behavioral Sciences, 32*, 367-371. https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2012.01.055.
22. Hyytinen, H., Tuononen, T., Nevgi, A., & Toom, A. (2022). The first-year students' motives for attending university studies and study-related burnout in relation to academic achievement. *Learning and Individual Differences, 97*, Article 102165. https://doi.org/10.1016/j.lindif.2022.102165.
23. Isik, U., El Tahir, O., Meeter, M., et al. (2018). Factors influencing academic motivation of ethnic minority students: A review. *SAGE Open, 8*(2), 1-23.
24. Isik, U., Wouters, A., Verdonk, P., Croiset, G., & Kusurkar, R. A. (2021). "As an ethnic minority, you just have to work twice as hard." Experiences and motivation of ethnic minority students in medical education. *Perspectives on Medical Education, 10*(5), 272-278. https://doi.org/10.1007/s40037-021-00679-4.
25. Jang, H., Reeve, J., & Deci, E. L. (2010). Engaging students in learning activities: It is not autonomy support or structure but autonomy support and structure. *Journal of Educational Psychology, 102*(3), 588-600. https://doi.org/10.1037/a0019682.
26. Kiefer, S. M., Alley, K. M., & Ellerbrock, C. R. (2015). Teacher and peer support for young adolescents' motivation, engagement, and school belonging. *RMLE Online, 38*(8), 1-18. https://doi.org/10.1080/19404476.2015.11641191.
27. O'Rorke, P., & Ortony, A. (1994). Explaining emotions. In A. Ortony, G. L. Clore, & A. Collins (Eds.), *The cognitive structure of emotions* (pp. 203-228). Cambridge University Press.

28. Oxford, R. L. (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know*. New York, NY: Newbury House/Harper & Row.
29. Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2000). Self-determination theory and the facilitation of intrinsic motivation, social development, and well-being. *American Psychologist, 55*(1), 68-78. https://doi.org/10.1037/0003-066X.55.1.68.
30. Skinner, E. A., Johnson, S. J., & Snyder, T. (2005). Six dimensions of parenting: A motivational model. *Parenting: Science and Practice, 5*(2), 175-235. https://doi.org/10.1207/s15327922par0502_3.
31. Vallerand, R. J., Pelletier, L. G., Blais, M. R., Brière, N. M., Senécal, C., & Vallières, E. F. (1992). The academic motivation scale: A measure of intrinsic, extrinsic, and amotivation in education. *Educational and Psychological Measurement, 52*(4), 1003-1017.
32. Wentzel, K. R., Battle, A., Russell, S. L., & Looney, L. (2010). Social supports from teachers and peers as predictors of academic and social motivation. *Contemporary Educational Psychology, 35*(3), 193-202. https://doi.org/10.1016/j.cedpsych.2010.01.002.